TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2024/DS-PT
Ngày 16-10-2024
V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Lê Phương;

2. Ông Phạm Thái Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Trần Thị Kim Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc *"*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2024, Thông báo hoãn phiên tòa số 116/TB-TA ngày 18 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1974; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1978, địa chỉ: Số D N, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2020). vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1983, địa chỉ: Số A N, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019). vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N1 (Chi nhánh B); vắng mặt

Địa chỉ: Số B T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Lê Hồng T2, sinh năm 1987; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1956; vắng mặt

Địa chỉ: Văn phòng L H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H là chủ Doanh nghiệp tư nhân T3. Vào năm 2013, để thuận tiện cho việc làm ăn, bà H có chi tiền mua 01 xe ô tô hiệu KIA, biển số 86A-01087. Thời gian này vợ chồng bà H đang sống ly thân nên bà H sợ nếu bà H đứng tên thì ảnh hưởng đến việc chia tài sản chung khi ly hôn với chồng. Vì vậy bà H nhờ bà Nguyễn Thị N đứng tên giùm. Việc bà N đứng tên giùm bà H được thể hiện rõ trong bản cam kết tại văn phòng luật sư Ngọc K - Số C H, P. Văn bản này được lập vào ngày 06/7/**2013** nhưng do sai sót trong việc đánh máy, mới thể hiện trên mặt giấy tờ là 06/7/**2012**, cũng vì sai sót trong đánh máy nên xe có giấy chứng nhận **004334** nhưng trong văn bản cam kết ghi **004394**. Đây chỉ là những sai sót trong việc đánh máy còn về bản chất bà N đã xác định chỉ đúng tên giùm cho bà H. Nội dung văn bản cam kết này thể hiện rõ bà N chỉ là người đứng tên giùm tài sản chứ chiếc xe trên không phải tài sản thuộc sở hữu của bà N.

Thời điểm bà H nhờ bà N đứng tên chiếc xe giùm thì bà N chưa làm việc cho bà H mà mới chỉ là người đi thu mua thanh long (bà H là người bán thanh long). Sau khi mua xe ô tô, vì giữa hai người cũng có mối quan hệ quen biết, thân thiết nên bà H tuyển bà N vào làm theo hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ với vị trí là lái xe. Theo hợp đồng này thì bà H giao xe 86A-01087 và giấy tờ xe cho bà N quản lý. Sau đó thì bà N sử dụng chiếc xe từ đó đến nay.

Do bà H là chủ D H nên có vay vốn ngân hàng bằng nhiều tài sản khác nhau thuộc sở hữu của bà H. Ngày 01/10/2015, bà H có yêu cầu bà N đứng tên thế chấp xe ô tô Biển kiểm soát 86A-01087 mà bà N đứng tên giùm bà H để vay vốn tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh B. Bà N đã ký hợp đồng thế chấp chiếc xe

đứng tên bà để bà H vay vốn theo phương thức cấp tín dụng hạn mức. Hàng tháng bà H là người trả tiền lãi vay ngân hàng, có những tháng bà H là người trực tiếp đi nộp, có những tháng bà H giao tiền cho bà N đi nộp thay bà H (*Vì bà H có ban hành Quyết định bổ nhiệm kế toán số 02/2015/QĐ-MH ngày 01/05/2015 bà Nguyễn Thị N làm kế toán phụ trách giao dịch nộp cho ngân hàng để thuận tiện việc giao dịch)*. Hàng năm bà H cũng là người chi tiền phí bảo hiểm cho chiếc xe trên tại công ty bảo hiểm. Đến tháng 9/2018, đến thời hạn trả tiền gốc cho ngân hàng để đáo hạn khoản vay của bà H, bà H là người nộp tiền đáo hạn. Sau khi đáo hạn, bà H yêu cầu bà N tiếp tục thế chấp chiếc xe đứng tên giùm để bà H vay lại nhưng bà N không chịu. Đến tháng 11/2018, bà H yêu cầu bà N giao xe lại cho bà H thì bà N không trả.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang sử dụng xe ô tô là ông Lê Hồng T2 phải giao trả cho bà H xe ô tô 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, loại FORTE màu trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334, biển kiểm soát 86A-01087. Đồng thời, yêu cầu bà N phải bồi thường thiệt hại do xe bị khấu hao trong quá trình bà N sử dụng từ tháng 11/2018 đến nay là 179.130.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án buộc bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sử dụng xe là ông Lê Hồng T2 phải giao trả cho bà H chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, loại FORTE màu trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334, biển kiểm soát 86A-00187. Trường hợp bà Nguyễn Thị N không giao trả được cho bà H chiếc xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, loại FORTE thì phải trả cho bà H số tiền giá trị xe tính tại thời điểm tháng 11/2018 theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam với số tiền là 500.197.000 đồng (Năm trăm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Đồng thời xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc bà N phải bồi thường thiệt hại do xe bị khấu hao trong quá trình bà N sử dụng từ tháng 11/2018 đến nay.

Bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vì những lý do sau:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà H đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ là Bản cam kết đề ngày 06/7/2012 có xác nhận của Luật sư Nguyễn Ngọc K. Nội dung cho rằng bà Nguyễn Thị N cam kết chiếc xe ôtô màu trắng, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 86A- 01087 là tài sản của bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà N chỉ đứng tên dùm bà H. Tuy nhiên bản cam kết đề ngày 06/7/2012 này là giả mạo, bởi lẽ: Hợp đồng mua bán xe ô tô nói trên thể hiện người mua là bà Nguyễn Thị N và mua vào ngày 08/3/2013, đến ngày 23/3/2013 thì Công ty T4

xuất hóa đơn mua bán cho bà N với giá 604.000.000 đồng. Ngày 26/3/2013, bà N được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe số 004334, biển kiểm soát 86A-01087. Như vậy, chiếc xe này được mua vào năm 2013, lúc đó mới được cấp biển số xe, cấp giấy chứng nhận đăng ký xe thì năm 2012 không thể nào lập văn bản cam kết trên. Các bên không thể lập văn bản cam kết khi tài sản chưa được hình thành.

Đối với lời khai của bà K cho rằng việc văn bản thể hiện thời gian lập từ năm 2013 thành 2012 và giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 004334 thành 004394 trong văn bản cam kết là do nhầm lẫn trong đánh máy thì chúng tôi không đồng ý. Trước đây bị đơn có cho rằng chữ ký trong hợp đồng không phải chữ ký của bà N nhưng bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký vì hợp đồng này là giả mạo nên không cần thiết phải giám định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T2 trình bày:

Vào ngày 18/10/2018, ông có mua của bà Nguyễn Thị N một chiếc xe ôtô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 86A-010.87 với giá 300.000.000đồng. Khi mua bán hai bên có lập hợp đồng mua bán và hai bên đã thanh toán tiền cho nhau. Từ khi mua bán đến nay ông là người quản lý, sử dụng xe. Tuy nhiên giấy tờ xe hiện Ngân hàng N1 – Chi nhánh B đang còn giữ nên ông T2 chưa làm thủ tục sang tên được. Nay ông T2 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là buộc bà N và ông T2 phải trả lại chiếc xe ôtô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 86A-010.87.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 trình bày:

Ngân Hàng N1 có liên quan đến vụ án là do hiện đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số: 004334 do Công an tỉnh B cấp ngày 26/03/2013 đứng tên là Nguyễn Thị N.

Vào năm 2015, bà Nguyễn Thị Mỹ H (Chủ doanh nghiệp tư nhân T3) có ký hợp đồng tín dụng với A Chi nhánh Tỉnh B. Trong thời gian bà H vay vốn có thế chấp tài sản là xe ô tô con màu trắng, nhãn hiệu KIA, sản xuất năm 2013, biển số 86A-010.87, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số: 004334 do Công an tỉnh B cấp ngày: 26/3/2013. Giấy chứng nhận này đứng tên bà Nguyễn Thị N. Hiện tại khách hàng đã hết dư nợ tại A Chi nhánh Tỉnh B (lần trả nợ cuối cùng là vào ngày 20/05/2022). Tuy nhiên, do chiếc xe KIA Biển số 86A- 010.87 hiện đang tranh chấp nên mặc dù đã trả hết nợ, nhưng A Chi nhánh tỉnh B vẫn chưa thể trao trả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên, do không xác định được ai là chủ hợp pháp của chiếc xe nên đang chờ quyết định của Tòa án để bàn giao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân Hàng N1 đồng ý với quyết định của Tòa án, sẵn sàng bàn giao lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số: 004334 do Công an tỉnh B cấp ngày 26/03/2013 theo Quyết định của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

Căn cứ khoản 02 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 244; Điều 273; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158; Điều 161; Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Xác định xe ô tô biển số 86A-010.87, nhãn hiệu KIA, màu sơn Trắng, 05 chỗ ngồi, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 004334, do Công an tỉnh B cấp ngày 26/3/2013. Số máy G4FCCH247665, số khung RNYTD41A6DC035664, số loại FORTE TD 16GE2AT thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ H. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H chiếc xe ô tô con mang biển số 86A-010.87 trên.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải bồi thường thiệt hai do xe bị khấu hao trong quá trình bà N sử dụng từ tháng 11/2018 đến nay.

- Ngân hàng N1 có nghĩa vụ trả lại giấy tờ xe ô tô con mang biển số 86A-010.87 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2023, ông Nguyễn Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện: Quá trình xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại do xe bị khấu hao trong quá trình bà N sử dụng. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu đã rút là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N:

[2.1] Theo lời khai của đương sự và tài liệu thu thập tại hồ sơ thể hiện: Ngày 08/3/2013, Công ty cổ phần T4 (Chi nhánh P) và bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng mua bán 01 xe ô tô hiệu KIA FORTE SXAT-2013, màu trắng, 05 chỗ ngồi; Ngày 26/3/2013, bà N được Công an tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334, biển kiểm soát 86A-010.87. Ngày 01/10/2015, bà Nguyễn Thị N ký hợp đồng thế chấp xe ô tô và giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334 cho Ngân Hàng N1 (Chi nhánh B) giữ để bà Nguyễn Thị Mỹ H vay tiền; Đến nay bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nhưng ngân hàng vẫn đang giữ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334, vì tài sản thế chấp đang tranh chấp. Bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày xe ô tô nêu trên là do bà H chi tiền mua nhưng nhờ bà Nguyễn Thị N đứng tên giùm nên yêu cầu bà N trả lại. Bà N không đồng ý vì cho rằng xe ô tô nêu trên do bà N mua và không có việc đứng tên giùm như bà H trình bày. Ngày 18/10/2018, bà N đã bán xe ô tô cho ông Lê Hồng T2, hiện nay ông T2 đang quản lý, sử dụng xe ô tô.

[2.2] Nhận thấy mặc dù bản cam kết có ghi sai năm lập bản cam kết từ năm 2013 thành 2012 và số giấy chứng nhận đăng ký xe là 004334 thành số 004394 nhưng nội dung bản cam kết thể hiện đặc điểm xe ô tô về nhãn hiệu, loại xe, màu sơn, số chỗ ngồi như nội dung giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004334 ngày 26/3/2013 do Công an tỉnh B cấp; Phù hợp với mô tả kết cấu xe tại hợp đồng mua bán xe ô tô số 54/2013/HĐMB-KIA/CN P ngày 08/3/2013 do bà N đứng tên bên mua; Đồng thời cũng phù hợp với trình bày của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu khác thể hiện tại hồ sơ vụ án. Bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng văn bản cam kết là giả mạo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; Ông Lê Hồng T2 mua xe ô tô biển kiểm soát 86A-010.87 từ bà Nguyễn Thị N nhưng chưa đăng ký sang tên tại

cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó có cơ sở xác định bản cam kết ghi "ngày 06/7/2012" có nội dung thể hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số "004394" là do nhầm lẫn trong quá trình đánh máy, còn về nội dung thỏa thuận trong bản cam kết là do bà H và bà N tự nguyện xác lập, thể hiện rõ ý chí của các bên về việc bà H nhờ bà N đứng tên giùm xe ô tô nêu trên. Xe ô tô do bà Nguyễn Thị Mỹ H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với ông Bùi Đức C, nhưng ông C xác định là tài sản riêng của bà H và không tranh chấp xe ô tô với bà H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tòa án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị N hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H chi phí thẩm định giá tài sản nhưng không tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Áp dụng Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Xác định xe ô tô biển số 86A-010.87, nhãn hiệu KIA, màu sơn Trắng, 05 chỗ ngồi, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 004334, do Công an tỉnh B cấp ngày 26/3/2013, số máy G4FCCH247665, số khung RNYTD41A6DC035664, số loại FORTE TD 16GE2AT thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ H. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H chiếc xe ô tô con mang biển số 86A-010.87 ghi trên.

- Ngân hàng N1 có nghĩa vụ trả lại giấy tờ xe ô tô con mang biển số 86A-010.87 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc buộc bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại do xe bị khấu hao trong quá trình bà N sử dụng từ tháng 11/2018 đến nay.

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 9.900.000đồng (Chín triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định giá.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0024080 ngày 23/01/2019 và 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008263 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0018726 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/10/2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP . Phan Thiết;
- Chi Cục THADS TP . Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Hùng